
Bản án số: 17/2019/ DSST
Ngày 29/05/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Ông Đinh Khắc Việt

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –

Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 29 tháng 05 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 05 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1975

Địa chỉ: số 303, tổ 9, ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Hoàng Đ**, sinh năm 1984 (theo giấy ủy quyền ngày 06/05/2019) (có mặt)

Địa chỉ: ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T L, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hoàng Đ trình bày:

Nguyên vào lúc trước anh Trần Văn T có mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Văn M. Đến ngày 30/03/2019 thì giữa anh M và anh T có tính toán nợ với nhau thì anh T còn nợ tiền phân bón và thuốc trừ sâu của anh M số tiền là 68.910.000đ (sáu mươi tám triệu chín trăm mười nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/01tháng và anh T có làm tờ cam kết trả nợ cho anh M số tiền 68.910.000đ (sáu mươi tám triệu chín trăm mười nghìn đồng), anh T cam kết với anh M là mỗi năm sẽ trả cho anh M số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ nhưng anh M không đồng ý với cam kết trả nợ của anh T, vừa rồi anh T có trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) nợ gốc cho anh M, anh T còn nợ lại anh M số tiền là 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng). Anh M có đến nhà anh T đòi nợ nhiều lần nhưng anh T thường xuyên lánh mặt và không thực hiện việc trả nợ cho anh M.

Nay tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn T trả nợ cho anh Nguyễn Văn M số tiền gốc là 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 31/03/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Tại phiên tòa hôm nay thì tôi thừa nhận vào lúc trước tôi có mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Văn M là chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp để canh tác lúa, đến ngày 30/03/2019, tôi còn nợ tiền phân bón và thuốc trừ sâu của anh M số tiền là 68.910.000đ (sáu mươi tám triệu chín trăm mười nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/01tháng, vừa rồi tôi có trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) nợ gốc cho anh M, tôi còn nợ lại anh M số tiền là 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng). Do làm ăn thất bại, hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên tôi chưa trả nợ cho anh M được.

Nay tại phiên tòa tôi thừa nhận có nợ tiền phân bón và thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Văn M với số tiền gốc là 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng), tôi xin được trả nợ dần số tiền 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng)

cho anh M, mỗi năm vào ngày 30 tháng 03 tôi trả cho anh M 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Lần trả nợ đầu tiên vào ngày 30/03/2020 tôi trả cho anh M 3.000.000đ (ba triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa anh Nguyễn Văn M với anh Trần Văn T là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hoàng Đ yêu cầu bị đơn anh Trần Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh Nguyễn Văn M số tiền gốc là 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 31/03/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì trước đây anh T có mua thiếu tiền phân bón và thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Văn M. Đến ngày 30/3/2019 thì anh M và anh T ngồi tính toán nợ với nhau thì tổng cộng anh T còn nợ của anh M số tiền gốc phân bón và thuốc trừ sâu là 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng), thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 2%/1tháng và anh T có làm tờ cam kết trả nợ ngày 30/03/2019 với anh M là mỗi năm anh T sẽ trả cho anh M số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ nhưng anh M không đồng ý với cam kết trả nợ của anh T, vừa qua anh T có trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) nợ gốc cho anh M, anh T còn nợ lại anh M số tiền gốc là 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng). Đến nay thì anh T vẫn chưa thực hiện việc trả nợ cho anh

M. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn Hoàng Đ yêu cầu tính lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận.

Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Như vậy số tiền lãi do chậm trả tiền trong vụ kiện này tính từ ngày 31/03/2019 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 29/05/2019 là 60 ngày cụ thể như sau: $65.910.000đ \times 1,66\% \times 60 \text{ ngày} = 2.188.212đ$ tính tròn là 2.188.000đ (hai triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 68.098.000đ (sáu mươi tám triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu của bị đơn anh Trần Văn T thừa nhận có nợ tiền phân bón và thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Văn M số tiền gốc là 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng). Anh T xin trả nợ dần số tiền 65.910.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng) cho anh M mỗi năm số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) vào ngày 30 tháng 03 hàng năm. Lần trả nợ đầu tiên vào ngày 30/03/2020 anh T trả nợ cho anh M số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì lời yêu cầu của anh T thì

anh Đ không đồng ý yêu cầu trả nợ dần của anh T. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Trần Văn T.

[4] Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của anh Nguyễn Văn M được chấp nhận nên anh M không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh M số tiền là 1.723.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005492 ngày 25/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc anh Trần Văn T phải nộp: $68.098.000đ \times 5\% = 3.404.900đ$ (ba triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn chín trăm đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn M.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn anh Trần Văn T.

4/ Buộc anh Trần Văn T trả cho anh Nguyễn Văn M tổng cộng số tiền gốc và lãi là 68.098.000đ (sáu mươi tám triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn Hoàng Đ có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh Trần Văn T không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc anh Trần Văn T nộp 3.404.900đ (ba triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn chín trăm đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Nguyễn Văn M số tiền là 1.723.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005492 ngày 25/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh Nguyễn Văn Hoàng Đ và anh Trần Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật

